TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/04/2023
V/v: Ly hôn giữa chị Q với anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Chỉnh
2. Ông Nguyễn Xuân Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 532/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Q, sinh năm 1982; có mặt
Địa chỉ: Thôn H 13, xã D, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Đàm Văn T, sinh năm 1986; vắng mặt
Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 chị kết hôn với anh Đàm Văn T. Trước khi kết hôn chị và anh T có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị về làm dâu nhà anh T ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 09/2021 thì nẩy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi nhau, cuộc sống gia đình không được vui vẻ. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị hai bên gia đình đều biết và động viên, khuyên bảo nhưng không thành. Tháng 09/2022 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị sinh sống. Từ đó chị và anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đàm Văn T.

Về con chung: Chị và anh Đàm Văn T chưa có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đàm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đàm Văn T trình bày về thời gian, điều kiện kết kết hôn, về mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị Q đã trình bày. Tuy nhiên, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Q vẫn còn, chị Q xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Q chưa có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phiên tòa, Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đặng Thị Q được ly hôn với anh Đàm Văn T. Về con chung; tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn anh Đàm Văn T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Q kết hôn với anh Đàm Văn T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Lục Nam ngày 12/11/2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị Q và anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Chị Q, anh T đều xác nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không được vui vẻ hạnh phúc Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần cho chị Đặng Thị Q được ly hôn với anh Đàm Văn T. Việc anh Đàm Văn T không nhất trí ly hôn chỉ làm kéo dài việc giải quyết vụ án.

[3] Về con chung: Các đương sự đều xác nhận chưa có con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đặng Thị Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Q ly hôn với anh Đàm Văn T.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu số 0014140 ngày 01 tháng 11 năm 2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *Ủy ban nhân xã L;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân